

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐÔNG HẢI**

PHỤ LỤC 1A

**Thực trạng số lượng, quy mô số hộ gia đình tại các tổ dân phố
trên địa bàn phường Đông Hải tính đến ngày 20/5/2026**

(Kèm theo Phương án số /PA-UBND ngày /5/2026 của UBND phường Đông Hải)

STT	Tên thôn/tổ dân phố	Quy mô thôn/tổ dân phố					Số người hoạt động không chuyên trách ở thôn/ tổ dân phố	Số người tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn/tổ dân phố	Ghi chú
		Số hộ gia đình	Đạt tỷ lệ so với quy định	Tổng số dân	Diện tích (ha)	Yếu tố đặc thù (nếu có)			
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Phường Lưu 1	389	70.73%	1,606	8,38		3	5	
2	Phường Lưu 2	320	58.18%	977	10,8		3	5	
3	Phường Lưu 3	438	79.64%	1,720	8.23		3	5	
4	Phường Lưu 4	497	90.36%	1,654	5.84		3	5	
5	Phường Lưu 5	489	88.91%	1,969	12.10		3	5	
6	Phường Lưu 6	414	75.27%	1,361	23.80		3	5	
7	Đoạn xá 1	474	86.18%	1,910	5.13		3	5	
8	Đoạn xá 2	317	57.64%	1,293	30.00		3	5	
9	Đoạn xá 3	271	49.27%	1,349	11.10		3	5	
10	Đoạn xá 4	147	26.73%	725	9.62		3	5	
11	Đoạn xá 5	317	57.64%	1,233	6.48		3	5	
12	Đoạn xá 6	301	54.73%	1,224	7.68		3	5	
13	Thượng Đoạn	560	101.82%	1,895	12,30		3	5	
14	Phú Xá 1	515	93.64%	1,903	14.00		3	5	
15	Phú Xá 2	432	78.55%	1,562	35.30		3	5	
16	Thượng Đoạn Xá 1	515	93.64%	1,701	52.40		3	5	
17	Thượng Đoạn Xá 2	356	64.73%	1,130	7.44		3	5	

STT	Tên thôn/tổ dân phố	Quy mô thôn/tổ dân phố					Số người hoạt động không chuyên trách ở thôn/ tổ dân phố	Số người tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn/tổ dân phố	Ghi chú
		Số hộ gia đình	Đạt tỷ lệ so với quy định	Tổng số dân	Diện tích (ha)	Yếu tố đặc thù (nếu có)			
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
18	Số 2	404	73.45%	1,529	143.60		2	5	
19	Số 3	351	63.82%	1,280	51.80		3	5	
20	Số 4	426	77.45%	1,789	53.68		3	5	
21	Số 5	361	65.64%	1,059	22.07		3	5	
22	Số 6	548	99.64%	2,166	76.33		3	5	
23	Bình Kiều 1	501	91.09%	1,954	19.86		3	5	
24	Bình Kiều 2	376	68.36%	1,421	61.17		3	5	
25	Hạ Đoạn 1	336	61.09%	1,430	18.72		3	5	
26	Hạ Đoạn 2	600	109.09%	2,569	56.26		3	5	
27	Hạ Đoạn 3	431	78.36%	1,746	69.73		3	5	
28	Hạ Đoạn 4	379	68.91%	1,590	4,669.94		3	5	
29	Vườn Dừa	168	30.55%	701	9.04		3	5	
30	Đông Hưng	366	66.55%	1,459	29.2		3	5	
	Tổng	11,999		45,905	5,510.52	0	89	150	0

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐÔNG HẢI**

PHỤ LỤC 1A
Tổng hợp thực trạng quy mô số hộ gia đình của tổ dân phố
trên địa bàn phường Đông Hải

(Kèm theo Phương án số /PA-UBND ngày /05/2026 của UBND phường Đông Hải)

TT	Tên địa phương	Số hộ (hộ)	Số nhân khẩu (người)	Số đảng viên (người)	Số thôn/ tổ dân phố hiện có				Ghi chú	
					Tổng số	Trong đó quy mô số hộ gia đình				
						Dưới 50%	Từ 50% đến dưới 70%	Từ 70% đến dưới 100%		Từ 100% trở lên
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Phường Đông Hải	11,387	45,905	3,096	30	3	11	14	2	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐÔNG HẢI**

PHỤ LỤC SỐ 2

Tổng hợp số lượng các tổ chức của tổ dân phố trên địa bàn phường Đông Hải

(Kèm theo Phương án số /PA-UBND ngày /5/2026 của UBND phường Đông Hải)

TT	Tên địa phương	Số lượng thôn/ tổ dân phố	Các tổ chức tại thôn, TDP																			Ghi chú
			Trước khi sắp xếp thôn, tổ dân phố									Sau khi sắp xếp thôn, tổ dân phố									So sánh trước khi sắp xếp và sau sắp xếp	
			Tổng số	Trong đó								Tổng số	Trong đó									
				Chi bộ	Ban công tác Mặt trận	Chi hội CCB	Chi hội phụ nữ	Chi đoàn TN	Chi hội nông dân	Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng	Khác (Chữ thập đỏ, người cao tuổi...)		Chi bộ	Ban công tác Mặt trận	Chi hội CCB	Chi hội phụ nữ	Chi đoàn TN	Chi hội nông dân	Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng	Khác (Chữ thập đỏ, người cao tuổi...)		
1	Phường Đông Hải	16	150	30	30	30	30	30	0	0	0	80	16	16	16	16	16	0	0	0	22=13-4	23

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐÔNG HẢI**

PHỤ LỤC 3A

Danh sách người hoạt động không chuyên trách ở tổ dân phố trên địa bàn phường Đông Hải

(Kèm theo Phương án số /PA-UBND ngày /05/2026 của UBND phường Đông Hải)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo		
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Phương Lưu 1												
	Trịnh Công Càng	18/7/1967		1	BT chi bộ Phương Lưu 1	2.1			1				1
	Nguyễn Thị Thanh	1982	1	1	TT TDP Phương Lưu 1	2.1		1					
	Trần Đức Thụ	1964			Trưởng ban CTMT TDP Phương Lưu 1	1.8				1			
2	Phương Lưu 2												
	Vũ Thanh Hiệu	1971		1	BT chi bộ Phương Lưu 2	2.1			1			1	
	Nguyễn Thị Ngân	1964	1	1	TT TDP Phương Lưu 2	2.1				1			1

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào		
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Bùi Minh Tiên	1968		1	BT chi bộ Phương Lưu 5	2.1			1				
	Đào Thị Thìn	1976	1	1	TT TDP Phương Lưu 5	2.1			1				
	Lê Trần Thứ	1958			Trưởng ban CTMT TDP Phương Lưu 5	1.8				1		1	
6	Phương Lưu 6												
	Nguyễn Văn Kì	04/6/1965		1	BT chi bộ Phương Lưu 6	2.1				1		1	
	Lương Văn Bình	13/4/1955		1	TT TDP Phương Lưu 6	2.1				1			1
	Lương Mạnh Tuấn	12/02/1957		1	Trưởng ban CTMT TDP Phương Lưu 6	1.8				1		1	
7	Đoạn xá 1												
	Đỗ Thị Kim Tuyền	1970	1	1	BT chi bộ Đoạn Xá 1	2.1			1			1	
	Bùi Hữu Vĩnh	1966		1	TT TDP Đoạn Xá 1	2.1				1			1

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào		
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Nguyễn Văn Bản	1961		1	BT chi bộ Đoàn Xá 4	2.1				1			
	Nguyễn Thị Thúy	1980	1	1	TT TDP Đoàn Xá 4	2.1		1					1
	Lê Thị Kim Oanh	1981	1		Trưởng ban CTMT TDP Đoàn Xá 4	1.8		1					
11	Đoạn xá 5												
	Trần Xuân Nghị	16/11/1968		1	BT chi bộ Đoàn Xá 5	2.1			1				
	Nguyễn Đức Thanh	1963		1	TT TDP Đoàn Xá 5	2.1				1			
	Hà Quang Chiến	8/28/1964			Trưởng ban CTMT TDP Đoàn Xá 5	1.8				1			
12	Đoạn xá 6												
	Nguyễn Quốc Toại	04/07/1959		1	BT chi bộ Đoàn Xá 6	2.1				1			
	Phạm Hồng Thái	1971		1	TT TDP Đoàn Xá 6	2.1			1				

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào		
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Trần Huy Hoàn	12/05/1958		1	BT chi bộ Phú Xá 2	2.1				1			1
	Vũ Thị Hợp	1970	1		TT TDP Phú Xá 2	2.1			1				
	Nguyễn Xuân Quang	12/12/1949			Trưởng ban CTMT TDP Phú Xá 2	1.8				1			
16	Thượng Đoạn Xá 1												
	Lê Thị Hồng Anh	15/02/1982	1	1	BT chi bộ Thượng Đoạn Xá 1	2.1		1					1
	Nguyễn Ngọc Huỳnh	1963		1	TT TDP Thượng Đoạn Xá 1	2.1				1		1	
	Trịnh Văn Vạng	20/03/1952			Trưởng ban CTMT TDP Thượng Đoạn Xá 1	1.8				1			
17	Thượng Đoạn Xá 2												
	Phạm Văn Mừng	17/01/1953		1	BT chi bộ Thượng Đoạn Xá 2	2.1				1			1
	Nguyễn Văn Việt	1972			TT TDP Thượng Đoạn Xá 2	2.1			1				1

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào		
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Nguyễn Văn Hữu Vinh	1964			Trưởng ban CTMT TDP Thượng Đoạn Xá 2	1.8				1			
18	Số 2												
	Đặng Văn Thuật	1975		1	BT chi bộ TDP Số 2, TT TDP Số 2	2.1			1				1
	Phùng Văn Ánh	1942			Trưởng ban CTMT TDP số 2	1.8				1			
19	Số 3												
	Phùng Thị Huyền	1982	1	1	BT chi bộ TDP Số 3	2.1		1				1	
	Nguyễn Văn Duy	1983		1	TT TDP Số 3	2.1		1					
	Trịnh Văn Đoàn	1952		1	Trưởng ban CTMT TDP số 3	1.8				1			
20	Số 4												
	Vũ Thị Thanh	1955	1	1	BT chi bộ TDP Số 4	2.1				1			1

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo		
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Nguyễn Văn Thăng	1981		1	TT TDP Số 4	2.1		1					1
	Trần Ngọc Toàn	1950		1	Trưởng ban CTMT TDP số 4	1.8				1			
21	Số 5												
	Lê Đức Tiến	1959		1	BT chi bộ TDP Số 5	2.1				1			
	Nguyễn Văn Năng	1971		1	TT TDP Số 5	2.1			1			1	
	Lương Thị Tánh	1961	1	1	Trưởng ban CTMT TDP số 5	1.8				1			
22	Số 6												
	Nguyễn Thu Hà	1984	1	1	BT chi bộ TDP Số 6	2.1		1				1	
	Lương Thị Lý	1951	1	1	TT TDP Số 6	2.1				1			
	Đỗ Thị Kim Oanh	1958	1	1	Trưởng ban CTMT TDP số 6	1.8				1			

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào		
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
23	Bình Kiều 1												
	Nguyễn Văn Thư	1957		1	BT Chi bộ TDP Bình Kiều 1	2.1				1			
	Trần Thị Thu Hương	2702/1967	1	1	TT TDP Bình Kiều 1	2.1			1				1
	Phạm Văn Quyền	1962		1	Trưởng ban CTMT TDP Bình Kiều 1	1.8				1			
24	Bình Kiều 2												
	Phạm Thị Chung	1957	1	1	BT Chi bộ TDP Bình Kiều 2	2.1				1			
	Phạm Văn Khoa	1956		1	TT TDP Bình Kiều 2	2.1				1			
	Phạm Thị Niên	1970	1		Trưởng ban CTMT TDP Bình Kiều 2	1.8			1				
25	Hạ Đoạn 1												
	Nguyễn Văn Hằng	1966		1	BT Chi bộ TDP Hạ Đoạn 1	2.1				1			

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào		
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Nguyễn Anh Dũng	1972		1	TT TDP Hạ Đoạn 1	2.1			1				1
	Bùi Xuân Bằng	1958		1	Trưởng ban CTMT TDP Hạ Đoạn 1	1.8				1			
26	Hạ Đoạn 2												
	Bùi Minh Viễn	1956		1	BT Chi bộ TDP Hạ Đoạn 2	2.1				1		1	
	Phùng Thị Chuyên	1977	1	1	TT TDP Hạ Đoạn 2	2.1		1					1
	Nguyễn Thị Tuyết	1973	1		Trưởng ban CTMT TDP Hạ Đoạn 2	1.8			1				
27	Hạ Đoạn 3												
	Nguyễn Thành Nhơn	1984		1	BT Chi bộ TDP Hạ Đoạn 3	2.1		1					1
	Ngô Văn Lương	21/11/1968		1	TT TDP Hạ Đoạn 3	2.1			1				
	Nguyễn Thị Phương	1967	1		Trưởng ban CTMT TDP Hạ Đoạn 3	1.8			1				

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào		
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
28	Hạ Đoạn 4												
	Giang Văn Thảo	27/02/1956		1	BT Chi bộ TDP Hạ Đoạn 4	2.1				1			
	Bùi Văn Dinh	25/03/1977		1	TT TDP Hạ Đoạn 4	2.1			1				
	Trịnh Văn Kháng	26/03/1951			Trưởng ban CTMT TDP Hạ Đoạn 4	1.8				1			
29	Vườn Dừa												
	Phạm Văn Huy	1957		1	BT Chi bộ TDP Vườn Dừa	2.1				1			
	Trần Trọng Hiển	1961		1	TT TDP Vườn Dừa	2.1				1			1
	Lê Thị Bắc	1962	1		Trưởng ban CTMT TDP Vườn Dừa	1.8				1			
30	Đông Hưng												
	Vũ Đức Định	02/03/1963		1	BT Chi bộ TDP Đông Hưng	2.1				1			1

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo		
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Bùi Văn Phước	1968		1	TT TDP Đông Hưng	2.1			1				
	Vũ Văn Tạ	1958		1	Trưởng ban CTMT TDP Đông Hưng	1.8				1			
	TỔNG	89 người	26	67			0	10	21	58	1	15	25

o tạo	Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
Dưới trung cấp	
15	16
	Hưu trí
	Đủ tuổi nghỉ hưu
	Hưu trí
	Hưu trí

o tạo	Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
Dưới trung cấp	
<i>15</i>	<i>16</i>
	Hưu trí
	Hưu trí
1	Đủ tuổi nghỉ hưu
1	Đủ tuổi nghỉ hưu
	Hưu trí
	Hưu trí
	Hưu trí

o tạo	Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
Dưới trung cấp	
15	16
	Hưu trí
	Hưu trí
	Hưu trí
	Hưu trí
	Hưu trí
	Hưu trí
	Hưu trí
	Hưu trí

o tạo	Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
Dưới trung cấp	
<i>15</i>	<i>16</i>
	Hưu trí
	Hưu trí
	Hưu trí
	Hưu trí
1	Đủ tuổi nghỉ hưu
1	Đủ tuổi nghỉ hưu

o tạo	Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
Dưới trung cấp	
15	16
1	Đủ tuổi nghỉ hưu
1	
1	
1	Đủ tuổi nghỉ hưu
1	Đủ tuổi nghỉ hưu
1	Đủ tuổi nghỉ hưu
1	

o tạo	Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
Dưới trung cấp	
15	16
1	Đủ tuổi nghỉ hưu
1	Đủ tuổi nghỉ hưu
1	Đủ tuổi nghỉ hưu
	Đủ tuổi nghỉ hưu
1	Đủ tuổi nghỉ hưu

o tạo	Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
Dưới trung cấp	
15	16
	Đủ tuổi nghỉ hưu
1	
1	Đủ tuổi nghỉ hưu
	Đủ tuổi nghỉ hưu
1	Hưu trí
	Đủ tuổi nghỉ hưu

o tạo	Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
Dưới trung cấp	
15	16
1	Đủ tuổi nghỉ hưu
1	Đủ tuổi nghỉ hưu
1	
1	Đủ tuổi nghỉ hưu
	Đủ tuổi nghỉ hưu

o tạo	Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
Dưới trung cấp	
15	16
1	Đủ tuổi nghỉ hưu
1	Đủ tuổi nghỉ hưu
1	Đủ tuổi nghỉ hưu
1	Đủ tuổi nghỉ hưu
1	Đủ tuổi nghỉ hưu

o tạo	Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
Dưới trung cấp	
15	16
1	Đủ tuổi nghỉ hưu
	Đủ tuổi nghỉ hưu
1	Đủ tuổi nghỉ hưu
1	Đủ tuổi nghỉ hưu
1	Đủ tuổi nghỉ hưu
1	
1	

o tạo	Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
Dưới trung cấp	
15	16
1	Đủ tuổi nghỉ hưu
	Đủ tuổi nghỉ hưu
1	
1	
1	Đủ tuổi nghỉ hưu

o tạo	Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
Dưới trung cấp	
15	16
1	Đủ tuổi nghỉ hưu
1	
1	Đủ tuổi nghỉ hưu
1	Đủ tuổi nghỉ hưu
	Đủ tuổi nghỉ hưu
1	Đủ tuổi nghỉ hưu
	Đủ tuổi nghỉ hưu

o tạo	Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
Dưới trung cấp	
<i>15</i>	<i>16</i>
1	
1	Đủ tuổi nghỉ hưu
44	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐÔNG HẢI**

PHỤ LỤC 3B

Danh sách người tham gia hoạt động trực tiếp ở tổ dân phố trên địa bàn phường Đông Hải

(Kèm theo Phương án số /PA-UBND ngày /5/2026 của UBND phường Đông Hải)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp/ hỗ trợ hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào		
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Phương Lưu 1												
	Nguyễn Trung Minh	06/02/1963		1	Tổ phó TDP	1				1		1	
	Nguyễn Thị Thanh	18/12/1982	1		CTV dân số	0.3		1					1
	Hoàng Thị Hồng Anh	26/04/2001	1	1	Bí thư chi đoàn	0.3	1					1	
	Nguyễn Danh Trường	1966		1	Chi hội trưởng CCB	0.3				1			1
	Khổng Thị Thanh	01/3/1960	1	1	Chi hội trưởng Phụ nữ	0.3				1		1	
2	Phương Lưu 2												
	Nguyễn Văn Luyện	10/02/1967		1	Tổ phó TDP	1			1				
	Lã Thị Loan	19/1/1969	1		CTV dân số	0.3			1				

	Đỗ Thị Học	07/01/1976	1		Tổ phó TDP	1			1			
	Đào Thị Thìn	04/4/1976	1		CTV dân số	0.3			1			1
	Trần Thị Kim Oanh	25/12/1991	1	1	Bí thư chi đoàn	0.3	1					1
	Nguyễn Công Tăng	1958		1	Chi hội trưởng CCB	0.3				1		1
	Bùi Thị Thanh Hà	06/11/1974	1		Chi hội trưởng Phụ nữ	0.3			1			1
6	Phương Lưu 6											
	Phạm Văn Trợ	1958			Tổ phó TDP	1				1		1
	Đỗ Thị Hằng	09/2/1959	1		CTV dân số	0.3				1		1
	Trần Thuỳ Linh	25/03/2002	1		Bí thư chi đoàn	0.3	1					1
	Đào Công Chự	1956		1	Chi hội trưởng CCB	0.3				1		1
	Phạm Thị Hoài	19/5/1967	1	1	Chi hội trưởng Phụ nữ	0.3			1			1
7	Đoạn xá 1											
	Đỗ Minh Đức	02/05/1963			Tổ phó TDP	1				1		1
	Phạm Thị Hải	05/12/1965	1		CTV dân số	0.3				1		1
	Đỗ Phương Linh	14/02/2007	1		Bí thư chi đoàn	0.3	1					1 (Đang
	Nguyễn Văn Tuấn	1964			Chi hội trưởng CCB	0.3				1		

	Đỗ Thị Thoa	12/12/1960	1		Chi hội trưởng Phụ nữ	0.3				1		1	
8	Đoạn xá 2												
	Phạm Văn Đông	20/10/1969		1	Tổ phó TDP Đoạn Xá 2	1			1				1
	Nguyễn Thị Lụa	04/1/1951	1		CTV dân số	0.3				1			
	Nguyễn Mai Khanh	26/11/2003		1	Bí thư chi đoàn	0.3	1					1	
	Nguyễn Văn Công	1964		1	Chi hội trưởng CCB	0.3				1		1	
	Đào Thị Huyền	07/12/1981	1		Chi hội trưởng Phụ nữ	0.3		1					1
9	Đoạn xá 3												1
	Cao Thị Sinh	20/02/1962	1	1	Tổ phó TDP	1				1			
	Tạ Thị Minh Sinh	18/1/1961	1	1	CTV dân số	0.3				1		1	
	Nguyễn Thị Thu An	22/9/2001	1	1	Bí thư chi đoàn	0.3	1				1		
	Phạm Công Khu	1956		1	Chi hội trưởng CCB	0.3				1		1	
	Lưu Thị Bạch Yến	19/4/1964	1	1	Chi hội trưởng Phụ nữ	0.3				1		1	
10	Đoạn xá 4												
	Vũ Thị Hiền	11/10/1975	1	1	Tổ phó TDP	1			1				
	Nguyễn Thị Hà	08/5/1970	1		CTV dân số	0.3			1				

	Nguyễn Văn Hóa	1977			Tổ phó TDP	1		1					
	Vũ Thị Xuân	24/11/1975	1		CTV dân số	0.3			1				
	Nguyễn Thị Ngọc Anh	05/11/2005	1	1	Bí thư chi đoàn	0.3	1						1
	Vũ Thị Thi	1959	1		Chi hội trưởng CCB	0.3				1			
	Trịnh Thị Hòa	11/01/1957	1	1	Chi hội trưởng Phụ nữ	0.3				1			1
14	Phú Xá 1												
	Đỗ Thị Sáu	10/10/1971	1		Tổ phó TDP	1			1				
	Hoàng Thị Liễu	30/7/1972	1		CTV dân số	0.3			1				
	Lê Ánh Dương	11/5/2004	1		Bí thư chi đoàn	0.3	1					1	
	Phạm Thế Nhiên	1961			Chi hội trưởng CCB	0.3				1			
	Nguyễn Thị Huệ	10/10/1977	1		Chi hội trưởng Phụ nữ	0.3		1					
15	Phú Xá 2												
	Đình Thị Nhanh	22/04/1956	1		Tổ phó TDP	1				1			
	Nguyễn Thị Huyền	22/01/1974	1		CTV dân số	0.3			1				
	Phạm Việt Thái	30/05/1999			Bí thư chi đoàn	0.3	1					1	
	Lê Thế Khang	1965		1	Chi hội trưởng CCB	0.3				1		1	

	Phạm Thị Hương	10/10/1965	1		Chi hội trưởng Phụ nữ	0.3				1		
16	Thượng Đoạn Xá 1											
	Đỗ Thị Hương (Đỗ Thị Muộn)	1959	1	1	Tổ phó TDP	1				1	1	
	Phạm Thị Mai	20/5/1963	1		CTV dân số	0.3				1		
	Trịnh Văn Tuyền	19/05/2007			Bí thư chi đoàn	0.3	1				1	(Đang
	Vương Ngọc Hồng	1956		1	Chi hội trưởng CCB	0.3				1	1	
	Lê Thị Hồng Anh	15/02/1982	1	1	Chi hội trưởng Phụ nữ	0.3		1			1	
17	Thượng Đoạn Xá 2											
	Phạm Thị Oanh	1983	1		Tổ phó TDP Thượng Đoạn Xá 2	1		1			1	
	Đình Thị Bắc	08/01/1961	1		CTV dân số	0.3				1		
	Nguyễn Thị Kim Hiền	06/8/1999	1	1	Bí thư chi đoàn	0.3	1				1	
	Phạm Thị Tịnh□	1957	1		Chi hội trưởng CCB	0.3				1		
	Phạm Thị Lợi	14/6/1961	1		Chi hội trưởng Phụ nữ	0.3				1		
18	Số 2											
	Nguyễn Thị Hòa	28/4/1968	1		Tổ phó TDP	1			1			
	Vũ Thị Mai	01/08/1982	1		CTV dân số	0.3		1				

	Phạm Thị Dinh	1966	1		Tổ phó TDP	1				1			
	Lương Thị Tánh	30/8/1961	1		CTV dân số	0.3				1			
	Lương Thu Hà	20/10/2004	1		Bí thư chi đoàn	0.3	1					1	(Đang
	Vũ Văn Tuấn	1957			Chi hội trưởng CCB	0.3				1			
	Đào Thị Hòa	30/6/1963	1		Chi hội trưởng Phụ nữ	0.3				1			
22	Số 6												
	Nguyễn Thị Biên	1960	1		Tổ phó TDP	1				1			
	Phạm Lương Duyên	10/8/1990			CTV dân số	0.3	1						1
	Phùng Thị Thanh Thu	31/10/2003	1		Bí thư chi đoàn	0.3	1					1	
	Nguyễn Văn Tuyên	1957			Chi hội trưởng CCB	0.3				1			
	Lương Thị Vịnh	22/05/1960	1		Chi hội trưởng Phụ nữ	0.3				1			
23	Bình Kiều 1												
	Bùi Văn Thường	25/09/1976			Tổ phó TDP	1			1				1
	Phạm Thị Thanh Nga	23/6/1980	1		CTV dân số	0.3		1					
	Vũ Thế Anh	14/07/2000		1	Bí thư chi đoàn	0.3	1						1
	Vũ Xuân Hoàn	1956			Chi hội trưởng CCB	0.3				1			1

	Nguyễn Thị Hồng Duyên	19/02/1981	1		Chi hội trưởng Phụ nữ	0.3		1				
24	Bình Kiều 2											
	Phạm Thị Ngọc Sinh	06/11/1981	1		Tổ phó TDP	1		1			1	
	Nguyễn Thị Hiền	11/01/1983	1		CTV dân số	0.3		1				1
	Phạm Minh Hiếu	18/11/1999			Bí thư chi đoàn	0.3	1					1
	Nguyễn Hải Âu	1957			Chi hội trưởng CCB	0.3				1		
	Phạm Thị Niên	13/08/1974	1		Chi hội trưởng Phụ nữ	0.3			1			
25	Hạ Đoạn 1											
	Hoàng Thị Phượng	01/3/1972	1	1	Tổ phó TDP	1			1			
	Nguyễn Thị Hiền	24/3/1978	1		CTV dân số	0.3		1				
	Trịnh Quốc Nam	11/1/1998		1	Bí thư chi đoàn	0.3	1					1
	Bùi Xuân Bằng	1965			Chi hội trưởng CCB	0.3				1		1
	Trần Thị Miên	30/08/1966	1		Chi hội trưởng Phụ nữ	0.3				1		
26	Hạ Đoạn 2											
	Đinh Thị Lê	20/08/1964	1		Tổ phó TDP	1				1		1
	Giang Thị Úc	20/3/1948	1		CTV dân số	0.3				1		

	Phạm Thị Dung	20/12/1957	1		Tổ phó TDP kiêm	1				1			
	Hoàng Thị Dạng	18/01/1962	1		CTV dân số	0.3				1			1
	Bùi Linh Thủy	5/6/2000	1		Bí thư chi đoàn	0.3	1					1	
	Trần Xuân Lộc	1960			Chi hội trưởng CCB	0.3				1			1
	Phạm Thị Dung	20/12/1957		1	Chi hội trưởng Phụ nữ	0.3				1			1
30	Đông Hưng												
	Ngô Thị Rạng	31/07/1956	1		Tổ phó TDP Đông Hưng	1				1			
	Nguyễn Thị Vân	28/01/1967	1		CTV dân số	0.3			1				
	Trịnh Quỳnh Anh	20/4/2009	1		Bí thư chi đoàn	0.3	1						
	Vũ Văn Tạp	1954			Chi hội trưởng CCB	0.3				1			1
	Ngô Thị Chung	03/08/1964	1		Chi hội trưởng Phụ nữ	0.3				1			
	TỔNG		102	44	150 người		34	17	24	75	1	44	34

tạo	Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
Dưới trung cấp	
15	16
	Hưu trí
	Hưu trí
1	
1	

1	Đủ tuổi nghỉ hưu
	Đủ tuổi nghỉ hưu
	Đủ tuổi nghỉ hưu
	Đủ tuổi nghỉ hưu
	Đủ tuổi nghỉ hưu
1	
	Đủ tuổi nghỉ hưu
1	Đủ tuổi nghỉ hưu

	Hưu trí
	Đủ tuổi nghỉ hưu
	Hưu trí
	Đủ tuổi nghỉ hưu
	Đủ tuổi nghỉ hưu
1	

	Hưu trí
	Hưu trí
1	
	Đủ tuổi nghỉ hưu
	Hưu trí
	Đủ tuổi nghỉ hưu
	Hưu trí
1	
1	

	Đủ tuổi nghỉ hưu
1	
	Đủ tuổi nghỉ hưu
	Đủ tuổi nghỉ hưu
	Đủ tuổi nghỉ hưu
	Hưu trí
1	Đủ tuổi nghỉ hưu
	Đủ tuổi nghỉ hưu
1	Đủ tuổi nghỉ hưu
	Hưu trí

1	
1	
1	Đủ tuổi nghỉ hưu
	Hưu trí
1	
1	
1	Đủ tuổi nghỉ hưu
1	
	Đủ tuổi nghỉ hưu
1	

1	Đến tuổi nghỉ hưu
	Hưu trí
1	Đủ tuổi nghỉ hưu
	Đủ tuổi nghỉ hưu
1	Đủ tuổi nghỉ hưu
1	Đủ tuổi nghỉ hưu
1	Đủ tuổi nghỉ hưu
1	Đủ tuổi nghỉ hưu

1	Đủ tuổi nghỉ hưu
1	
1	Đủ tuổi nghỉ hưu
1	
1	Đủ tuổi nghỉ hưu
1	
1	
1	

1	Hưu trí
1	Đủ tuổi nghỉ hưu
1	Đủ tuổi nghỉ hưu
1	Đủ tuổi nghỉ hưu
1	Đủ tuổi nghỉ hưu
1	Đủ tuổi nghỉ hưu
1	Đủ tuổi nghỉ hưu
1	
	Đủ tuổi nghỉ hưu

1	
1	Đủ tuổi nghỉ hưu
1	
1	
1	
	Đủ tuổi nghỉ hưu
1	Đủ tuổi nghỉ hưu

1	Đủ tuổi nghỉ hưu
1	Đủ tuổi nghỉ hưu
1	
1	Đủ tuổi nghỉ hưu
1	Đủ tuổi nghỉ hưu
1	
1	
	Đủ tuổi nghỉ hưu
1	

1	Đủ tuổi nghỉ hưu
	Đủ tuổi nghỉ hưu
	Đủ tuổi nghỉ hưu
	Hưu trí
1	Đủ tuổi nghỉ hưu
1	Đủ tuổi nghỉ hưu
1	
	Đủ tuổi nghỉ hưu
1	Đủ tuổi nghỉ hưu
62	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐÔNG HẢI**

PHỤ LỤC 4

Phương án sắp xếp, tổ chức lại tổ dân phố trên địa bàn phường Đông Hải

(Kèm theo Phương án số /PA-UBND ngày /5/2026 của UBND phường Đông Hải)

TT	Tên thôn/tổ dân phố cũ	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Phương án sắp xếp, tổ chức lại						Tỷ lệ % số hộ của Thôn/TDP sau sắp xếp so với quy mô số hộ gia đình theo quy định
					Phương án, tên thôn/ tổ dân phố mới	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội phục vụ sinh hoạt của cộng đồng dân cư	Lý do đề nghị sáp nhập	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Thực hiện sắp xếp, sáp nhập 24 tổ dân phố thành 12 tổ dân phố mới đảm bảo quy mô số hộ gia đình; giảm 12 tổ dân phố											
1	Tổ dân phố số 5 (chuyển 90 hộ về tổ dân phố số 4 liền kề)	271	1,059	22.07	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại tổ dân phố số 6 và phần lớn tổ dân phố số 5 để thành lập tổ dân phố Lương Xâm	819	3,225	98.40	01 Nhà văn hóa	02 tổ dân phố liền kề nhau, có quy mô từ 70% đến dưới 100% số hộ gia đình theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	148.90
	Tổ dân phố số 6	548	2,166	76.33							
2	Tổ dân phố 2	404	1,529	143.60	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại tổ dân phố số 02 với phần lớn tổ dân phố số 03 để thành lập tổ dân phố Xâm Bò 1	720	2,809	195.40	02 Nhà văn hóa	02 tổ dân phố liền kề nhau, có quy mô từ dưới 70% đến dưới 100% số hộ gia đình theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	130.90
	Tổ dân phố số 3 (chuyển 35 hộ sang tổ dân phố số 4 liền kề)	316	1,280	51.80							
3	Tổ dân phố Bình Kiều 1	501	1,954	19.86	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại tổ dân phố Bình Kiều 1 với tổ dân phố Bình Kiều 2 để thành lập tổ dân phố Bình Kiều	877	3,375	81.03	02 Nhà văn hóa	02 tổ dân phố liền kề nhau, có quy mô từ dưới 70% đến dưới 100% số hộ gia đình theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	159.40
	Tổ dân phố Bình Kiều 2	376	1,421	61.17							

TT	Tên thôn/tổ dân phố cũ	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Phương án sắp xếp, tổ chức lại					Tỷ lệ % số hộ của Thôn/TDP sau sắp xếp so với quy mô số hộ gia đình theo quy định	
					Phương án, tên thôn/ tổ dân phố mới	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội phục vụ sinh hoạt của cộng đồng dân cư		Lý do đề nghị sáp nhập
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
4	Tổ dân phố Hạ Đoạn 3	431	1,746	69.73	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại tổ dân phố Hạ Đoạn 3 với tổ dân phố Hạ Đoạn 4 để thành lập tổ dân phố Hạ Đoạn 3	810	3,336	4,739.67	02 Nhà văn hóa	02 tổ dân phố liền kề nhau, có quy mô từ dưới 70% đến dưới 100% số hộ gia đình theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	147.20
	Tổ dân phố Hạ Đoạn 4	379	1,590	4,669.94							
5	Tổ dân phố Phú Xá 1	515	1,903	14.00	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại tổ dân phố Phú Xá 1 với tổ dân phố Phú Xá 2 thành tổ dân phố Phú Xá	947	3,465	49.30	01 Nhà văn hóa	02 tổ dân phố liền kề nhau, có quy mô từ 70% đến dưới 100% số hộ gia đình theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	172.10
	Tổ dân phố Phú Xá 2	432	1,562	35.30							
6	Tổ dân phố Thượng Đoạn Xá 1	515	1,701	52.40	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại tổ dân phố Thượng Đoạn Xá 1 với tổ dân phố Thượng Đoạn Xá 2 thành tổ dân phố Thượng Đoạn Xá	871	2,831	59.84	01 Nhà văn hóa	02 tổ dân phố liền kề nhau, có quy mô từ dưới 70% đến dưới 100% số hộ gia đình theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	158.30
	Tổ dân phố Thượng Đoạn Xá 2	356	1,130	7.44							
7	Tổ dân phố Phương Lưu 1	389	1,606	8.38	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại tổ dân phố Phương Lưu 1 với tổ dân phố Phương Lưu 4 thành tổ dân phố Phương Lưu 1	886	3,260	14.22	01 Nhà văn hóa	02 tổ dân phố liền kề nhau, có quy mô từ dưới 70% đến dưới 100% số hộ gia đình theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	158.70
	Tổ dân phố Phương Lưu 4	497	1,654	5.84							
	Tổ dân phố Phương Lưu 6	414	1,361	23.80	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại tổ dân phố					02 tổ dân phố liền kề nhau, có quy mô từ dưới 70% đến dưới 100% số	

TT	Tên thôn/tổ dân phố cũ	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Phương án sắp xếp, tổ chức lại					Tỷ lệ % số hộ của Thôn/TDP sau sắp xếp so với quy mô số hộ gia đình theo quy định	
					Phương án, tên thôn/ tổ dân phố mới	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội phục vụ sinh hoạt của cộng đồng dân cư		Lý do đề nghị sáp nhập
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
8	Tổ dân phố Phương Lưu 2	320	977	10.80	Phương Lưu 6 với tổ dân phố Phương Lưu 6 thành tổ dân phố Phương Lưu 2	734	2,338	34.60	02 Nhà văn hóa	hộ gia đình theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	147.09
9	Tổ dân phố Phương Lưu 3	438	1,720	8.23	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại tổ dân phố Phương Lưu 3 và tổ dân phố Phương Lưu 5 thành tổ dân phố Phương Lưu 3	927	3,689	20.33	Không có Nhà văn hóa	02 tổ dân phố liền kề nhau, có quy mô từ 70% đến dưới 100% số hộ gia đình theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	154.90
	Tổ dân phố Phương Lưu 5	489	1,969	12.10							
10	Tổ dân phố Đoạn Xá 1	474	1,910	5.13	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại tổ dân phố Đoạn Xá 1 với tổ dân phố Đoạn Xá 5 thành tổ dân phố Đoạn Xá 1	791	3,143	11.61	Không có Nhà văn hóa	02 tổ dân phố liền kề nhau, có quy mô từ dưới 70% đến dưới 100% số hộ gia đình theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	143.81
	Tổ dân phố Đoạn Xá 5	317	1,233	6.48							
11	Tổ dân phố Đoạn Xá 4	147	752	9.52	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại tổ dân phố Đoạn Xá 4 với tổ dân phố Đoạn Xá 6 thành tổ dân phố Đoạn Xá 2	448	1,976	17.20	01 Nhà văn hóa	02 tổ dân phố liền kề nhau, có quy mô từ 50% đến dưới 70% số hộ gia đình theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	103.45
	Tổ dân phố Đoạn Xá 6	301	1,224	7.68							
12	Tổ dân phố Đoạn Xá 2	317	1,293	30.00	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại tổ dân phố Đoạn Xá 2 với tổ dân phố Đoạn Xá 3 thành tổ dân phố Đoạn Xá 3	588	2,642	41.10	01 Nhà văn hóa	02 tổ dân phố liền kề nhau, có quy mô từ 50% đến dưới 70% số hộ gia đình theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	106.90
	Tổ dân phố Đoạn Xá 3	271	1,349	11.10							

Thực hiện sắp xếp, sáp nhập 04 tổ dân phố và một phần của 02 tổ dân phố thành 02 tổ dân phố mới đảm bảo quy mô số hộ gia đình; giảm 02 tổ dân phố

TT	Tên thôn/tổ dân phố cũ	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Phương án sắp xếp, tổ chức lại						Tỷ lệ % số hộ của Thôn/TDP sau sắp xếp so với quy mô số hộ gia đình theo quy định
					Phương án, tên thôn/ tổ dân phố mới	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội phục vụ sinh hoạt của cộng đồng dân cư	Lý do đề nghị sáp nhập	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Tổ dân phố số 4	426	1,789	53.68	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại Tổ dân phố số 4 và một phần tổ dân phố số 3 với một phần tổ dân phố số 5 thành tổ dân phố Xâm Bò 2	551	2229	55.68	Không có Nhà văn hóa	03 tổ dân phố có vị trí liền kề nhau; Có 1 tổ quy mô dưới 100% ; lấy thêm 1 phần của 2 tổ dân phố liền kề, theo đúng gianh giới tuyến đường , để đảm bảo quy mô số hộ gia đình; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	100.18
	Một phần tổ dân phố số 3	35	125.000	0.50							
	Một phần tổ dân phố số 5	90	315	1.50							
2	Tổ dân phố Hạ Đoạn 1	336	1,340	18.72	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại 03 Tổ dân phố Hạ Đoạn 1, Đông Hưng, Vườn Dừa thành tổ dân phố Hạ Đoạn 1	870	3500	56.96	03 Nhà văn hóa	03 tổ dân phố có vị trí liền kề nhau; có 01 thôn quy mô dưới 50%; 02 thôn có quy mô từ 50% đến dưới 70% số hộ gia đình; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	158.18
	Tổ dân phố Đông Hưng	366	1,459.000	29.20							
	Tổ dân phố Vườn Dừa	168	701	9.04							
Thực hiện giữ nguyên 02 tổ dân phố đảm bảo quy mô số hộ gia đình;											
1	Tổ dân phố Hạ Đoạn 2	600	2,569	56.26	Giữ nguyên	600	2,569	56.26	01 Nhà văn hóa		109.1
2	Tổ dân phố Thượng Đoạn	560	1,895	12.3	Giữ nguyên	557	1,895	12.3	01 nhà văn hóa		101.2

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐÔNG HẢI**

PHỤ LỤC 5
DANH SÁCH THÔN, TỔ DÂN PHỐ KHÔNG ĐẢM BẢO TIÊU CHUẨN
NHƯNG ĐỊA PHƯƠNG ĐỀ XUẤT KHÔNG THỰC HIỆN SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI
(Kèm theo Phương án số /PA-UBND ngày /5/2026 của UBND phường Đông Hải)

STT	Tên thôn/tổ dân phố	Quy mô thôn/tổ dân phố					Lý do không thực hiện sắp xếp
		Số hộ gia đình	Đạt tỷ lệ so với quy định	Tổng số dân	Diện tích (ha)	Yếu tố đặc thù (nếu có)	
A	1	2	3	4	5	6	9
	Không có						

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐÔNG HẢI

PHỤ LỤC 6A

Tổng hợp số lượng, quy mô tổ dân phố sau khi sắp xếp trên địa bàn phường Đông Hải
(Kèm theo Phương án số /PA-UBND ngày /5/2026 của UBND phường Đông Hải)

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Số thôn, tổ dân phố hiện có	Số thôn/ tổ dân phố tiến hành sắp xếp					Số thôn/tổ dân phố sau sắp xếp					Số lượng phương án sắp xếp			Số thôn, tổ dân phố chưa đảm bảo quy mô nhưng không thực hiện sắp xếp	Số thôn, tổ dân phố giảm sau khi sắp xếp	Số người HD KCT dự kiến giảm	Số người tham gia hoạt động trực tiếp dự kiến giảm	Trụ sở nhà văn hóa đôi dư	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó quy mô				Tổng số	Trong đó quy mô				Sắp xếp 02 thôn/ TDP	Sắp xếp 03 thôn/ TDP	Sắp xếp từ 04 thôn/ TDP trở lên						
				Dưới 50%	Từ 50% đến dưới 70%	Từ 70% đến dưới 100%	Từ 100% trở lên		Dưới 50%	Từ 50% đến dưới 70%	Từ 70% đến dưới 100%	Từ 100% trở lên									
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1	Đông Hải	30	30	3	12	13	2	16	0	0	0	16	12	1	0	0	14	42	70	Không đôi dư, đề nghị tiếp tục sử dụng để làm các điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng	Có 1 tổ dân phố sáp nhập với 1 phần của 2 tổ dân phố liền kề

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐÔNG HẢI**

PHỤ LỤC 7

Tổng hợp thực trạng, phương án xử lý, bố trí trụ sở nhà văn hóa, khu thể thao sau sắp xếp tổ dân phố trên địa bàn xã, phường, đặc khu ...

(Kèm theo Phương án số /PA-UBND ngày /5/2026 của UBND phường Đông Hải)

TT	Tên thôn, tổ dân phố	Thuộc phương án sắp xếp thôn, tổ dân phố	Tổng số nhà văn hóa và khu thể thao hiện có			Số lượng dôi dư sau sắp xếp			Phương án xử lý, bố trí			Thuyết minh phương án xử lý, bố trí
			Tổng số	Nhà văn hóa	Khu thể thao	Tổng số	Nhà văn hóa	Khu thể thao	Tiếp tục sử dụng	Chuyển giao cho cơ quan có thẩm quyền quản lý, sử dụng	Phương án khác	
A		B	2	3	5	2			12	13	14	19
1	Tổ dân phố số 5 (chuyên 90 hộ về tổ dân phố số 4 liền kề)	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại tổ dân phố số 6 và phần lớn tổ dân phố số 5 để thành lập tổ dân phố Lương Xâm	1	1		0	0		1		0	
	Tổ dân phố số 6											
2	Tổ dân phố 2	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại tổ dân phố số 02 với phần lớn tổ dân phố số 03 để thành lập tổ dân phố Xâm Bò 1	2	2		1	1		1		1	Chuyển nhà văn hóa tổ dân phố số 3 cũ cho tổ dân phố Xâm Bò 2 sử dụng
	Tổ dân phố số 3 (chuyên 35 hộ sang tổ dân phố số 4 liền kề)											
3	Tổ dân phố Bình Kiều 1	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại tổ dân phố Bình Kiều 1 với tổ dân phố Bình Kiều 2 để thành lập tổ dân phố Bình Kiều	2	2		1	1		2			Đề nghị tiếp tục sử dụng 01 nhà văn hóa dôi dư để làm các điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng
	Tổ dân phố Bình Kiều 2											

4	Tổ dân phố Hạ Đoạn 3	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại tổ dân phố Hạ Đoạn 3 với tổ dân phố Hạ Đoạn 4 để thành lập tổ dân phố Hạ Đoạn 3	2	2		1	1		2			Đề nghị tiếp tục sử dụng 01 nhà văn hóa dôi dư để làm các điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng
	Tổ dân phố Hạ Đoạn 4											
5	Tổ dân phố Phú Xá 1	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại tổ dân phố Phú Xá 1 với tổ dân phố Phú Xá 2 thành tổ dân phố Phú Xá	1	1		0	0		1			
	Tổ dân phố Phú Xá 2											
6	Tổ dân phố Thượng Đoạn Xá 1	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại tổ dân phố Thượng Đoạn Xá 1 với tổ dân phố Thượng Đoạn Xá 2 thành tổ dân phố Thượng Đoạn Xá	1	1		0	0		1			
	Tổ dân phố Thượng Đoạn Xá 2											
7	Tổ dân phố Phương Lưu 1	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại tổ dân phố Phương Lưu 1 với tổ dân phố Phương Lưu 4 thành tổ dân phố Phương Lưu 1	1	1		0	0		1			
	Tổ dân phố Phương Lưu 4											
8	Tổ dân phố Phương Lưu 6	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại tổ dân phố Phương Lưu 6 với tổ dân phố Phương Lưu 6 thành tổ dân phố Phương Lưu 2	2	2		1	1		1	1		Chuyển nhà văn hóa tổ dân phố Phương Lưu 2 cũ cho tổ dân phố Phương Lưu 3 sử dụng
	Tổ dân phố Phương Lưu 2											
9	Tổ dân phố Phương Lưu 3	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại tổ dân phố Phương Lưu 3 và tổ dân phố Phương Lưu 5 thành tổ dân phố Phương Lưu 3	0	0		-1	-1					Mượn địa điểm sinh hoạt
	Tổ dân phố Phương Lưu 5											
10	Tổ dân phố Đoạn Xá 1	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại tổ dân phố Đoạn Xá 1 với	0	0		-1	-1					Sử dụng chung nhà văn hóa với TDP TDP Đoạn

10	Tổ dân phố Đoạn Xá 5	tổ dân phố Đoạn Xá 5 thành tổ dân phố Đoạn Xá 1	0	0		-1	-1					Xá 1 hoặc mượn địa điểm sinh hoạt
11	Tổ dân phố Đoạn Xá 4	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại tổ dân phố Đoạn Xá 4 với tổ dân phố Đoạn Xá 6 thành tổ dân phố Đoạn Xá 2	1	1		0	0		1			
	Tổ dân phố Đoạn Xá 6											
12	Tổ dân phố Đoạn Xá 2	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại tổ dân phố Đoạn Xá 2 với tổ dân phố Đoạn Xá 3 thành tổ dân phố Đoạn Xá 3	1	1		0	0		1			
	Tổ dân phố Đoạn Xá 3											
13	Tổ dân phố số 4	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại Tổ dân phố số 4 và một phần tổ dân phố số 3 với một phần tổ dân phố số 5 thành tổ dân phố Xâm Bò 2	0	0		-1	-1					Sử dụng chung nhà văn hóa với tổ dân phố Xâm Bò 1; hoặc mượn địa điểm sinh hoạt
	Một phần tổ dân phố số 3											
	Một phần tổ dân phố số 5											
14	Tổ dân phố Hạ Đoạn 1	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại 03 Tổ dân phố Hạ Đoạn 1, Đông Hưng, Vườn Dừa thành tổ dân phố Hạ Đoạn 1	3	3		2	2		3			Đề nghị tiếp tục sử dụng 02 nhà văn hóa dôi dư để làm các điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng
	Tổ dân phố Đông Hưng											
	Tổ dân phố Vườn Dừa											
15	Tổ dân phố Hạ Đoạn 2	Giữ nguyên	1	1		0	0		1			

16	Tổ dân phố Thượng Đoạn	Giữ nguyên	1	1		0	0		1		
	Tổng số		19	19	0	3	3	0	17	0	2

Ghi chú

20

